TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HS-PT
Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Ông Trương Văn Lộc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Phương U, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Phạm Phương U, sinh năm 1997 tại tỉnh Hòa Bình; nơi thường trú: tổ B, khu phố D, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phướcnơi tạm trú: nhà trọ Trần Công Htổ C, khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dươngnghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P năm 1971 và bà Mai Kim T năm 1977; bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn H1là Luật sư của Công ty L10 HĐịa chỉ: số C, Đồng Nai, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, 01 bị hại và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo và không kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Phương U1 bị cáo Phạm Văn H2là công nhân của Công ty TNHH A. Bị cáo Lê Khắc D chồng của bị cáo Phạm Phương U

Khoảng 16 giờ ngày 12/8/2023, khi bị cáo U2 làm việc tại Công ty TNHH A (viết tắt là Công ty) thì nảy sinh ý định trộm ván ép vụn trong công ty đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, bị cáo Uđiện thoại cho bị cáo D1 xe đến Công ty để trộm ván ép vụn đem đi bán. Bị cáo D2 thuê xe ô tô tải biển số 61C-454.03 của ông Đặng Văn L công ty để chở ván ép vụn. Khi xe đến công ty, bị cáo U3 ông Nguyễn H P1lái xe nâng nâng ván ép vụn lên xe ô tô tải. Bị cáo D3 ông L1 xe ô tô đi đến xưởng gỗ của ông Đỗ Văn T1 phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dươngbán (2.250 kg) với giá 4.500.000 đồng. Bị cáo D4 tiền thuê xe cho ông L2 đồng, số tiền còn lại đưa cho bị cáo U

Ngày 13/8/2023, bị cáo Utiếp tục đến công ty làm việc. Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo U4 gặp bị cáo Phạm Văn H1(là bảo trì của công ty) và nói với bị cáo H2công ty có máy nào hư hỏng không hoạt động lấy cho bị cáo U5 đi bán rồi bị cáo U6 tiền cho thì H2đồng ý. Bị cáo U7 điện thoại nói bị cáo D1 xe tải và chạy xe ô tô tải của bị cáo D5 trong công ty để tiếp tục lấy trộm ván ép vụn và sắt đi bán. Khi bị cáo D6 khiển xe ô tô tải biển số 51C-849.06 vào tới công ty thì bị cáo U7 điện thoại cho bị cáo H2lái xe nâng nâng lên xe ô tô tải của bị cáo D 01 (một) máy dập ốc M8, 01 (một) máy dập ốc M6, 03 vỏ mô tơ CNC. Bị cáo D7 tdùng tay bốc 20 cái Pallet sắt lên xe. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo Dđiện thoại cho ông L3 xe ô tô tải biển số 61C-454.03 đến Công ty để chở ván ép vụn. Khi xe ô tô tải của ông L công ty, bị cáo U8 tục kêu ông P1chạy xe nâng nâng gỗ ván vụn lên xe ô tô tải của ông L4 khi nâng gỗ xong, bị cáo D3 ông L1 xe ô tô đến bãi sắt Đ thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dươngđậu xe ô tô của bị cáo D8 đây, rồi bị cáo D9 xe của ông L xưởng gỗ của ông T1bán ván ép vụn (4.350 kg) với giá 8.700.000 đồng. Bị cáo D quay về bãi sắt Đại Thắng gặp ông Trần Văn T2 sắt (850 kg) với giá 7.225.000 đồng. Sau đó, bị cáo D4 tiền xe cho ông L2 đồng và đưa cho bị cáo U15.055.000 đồng. Bị cáo U9 cho bị cáo H23.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo U1 bị cáo H2tiếp tục đến công ty làm việc bình thường.

Đến khoảng 14 giờ ngày 18/8/2023, bà Nguyễn Thị H2 bà Nguyễn Thị Thanh T3 (giám đốc công ty) phân công kiểm tra lại camera của công ty vào ngày 12/8/2023 và 13/8/2023 vì hai ngày này công ty tổ chức cho nhân viên đi du lịch nên không có người ở lại quản lý công ty. Qua kiểm tra, bà H3phát hiện vào khoảng 11 giờ ngày 12/8/2023 và ngày 13/8/2023, có xe ô tô tải biển số 51C-849.06 và xe ô tô tải biển số 61C-454.03 chở hàng của công ty ra ngoài, kiểm tra thì công ty không có hóa đơn xuất hàng ra khỏi Công ty. Bà H3tiến hành kiểm tra lại toàn bộ tài sản của công ty thì phát hiện công ty bị mất 20 cái Pallet sắt, 01 máy dập ốc M8, 01 máy dập ốc M6, 03 vỏ mô tơ CNC, khoảng 8,4m^3 ván ép vụn đã bị mất trộm nên bà H3 biết và đến Công an phường Ktrình

báo sự việc. Các bị cáo Phạm Phương ULê K DPhạm Văn H2đều thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản như trên của Công ty.

Công an phường Ktạm giữ:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi do bị cáo Phạm Phương U10 nộp.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung do bị cáo Phạm Văn H4 nộp.

01 (một) xe ô tô tải biển số 51C-849.06 và 01 điện thoại di động KINGREAT màu xanh do bị cáo Lê Khắc D10 nộp.

01 (một) máy dập ốc M8; 01 (một) máy dập ốc M6 do ông Trần Văn T4 nộp.

1.400 kg ván ép vụn do ông Đỗ Văn T5 nộp.

01 (một) xe ô tô tải biển số 61C-454.03 do ông Đặng Văn L5 nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 96 ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Tkết luận: 20 cái Pallet sắt, kích thước 1,2x1,5m, trọng lượng 478 kg có giá 4.015.200 đồng; 6.600 kg ván ép vụn có giá 15.840.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.855.200 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 111 ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Tkết luận: 01 máy dập ốc M8 đã qua sử dụng, bị hư hỏng không còn sử dụng được có giá 9.900.000 đồng, 01 máy dập ốc M6 qua sử dụng, bị hư hỏng không còn sử dụng được nữa có giá 10.050.000 đồng và 03 vỏ mô tơ CNC, đã qua sử dụng, bị hư hỏng không còn sử dụng được có giá 2.925.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.875.000 đồng.

Xe ô tô biển số 51C – 849.06, số khung B27T6C006727, số máy JT557362 của ông Lê Khắc Á bị cáo Dmượn xe để chở hàng hóa. Ông Á1 biết bị cáo D11 xe để chở tài sản trộm cắp. Ngày 01 tháng 9 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T Quyết định xử lý vật chứng số 77 trả lại xe ô tô trên cho ông Á

Xe ô tô biển số 61C – 454.03, số khung 85PHFV000368, số máy 4D34P52413 của ông Đặng Văn L6 12/8/2023 và ngày 13/8/2023, ông L7 bị cáo D1 chở ván ép vụn bị cáo D12 mua của công ty nên ông L8 biết số tài sản trên là bị cáo D13 cắp mà có. Ngày 01 tháng 9 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T Quyết định xử lý vật chứng số 76 trả lại xe ô tô trên cho ông L

Đối với 01 máy dập ốc M6 và 01 máy dập ốc M8 đã qua sử dụng, bị hư hỏng không còn hoạt động được và 1400 kg ván ép đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH A1 01 tháng 9 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T Quyết định xử lý vật chứng số 78 trả lại cho Công ty.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH A2 cầu các bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (cụ thể bị cáo U11 thường 30.000.000 đồng; bị cáo Dvà bị cáo H2mỗi bị cáo 10.000.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Phương U, Lê Khắc Dvà Phạm Văn H5 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Phương U 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Khắc D14 (một) năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H6 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Phạm Phương U12 Khắc Dvà Phạm Văn H5 bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Phạm Phương U13 thường 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bị cáo Lê Khắc D15 bị cáo Phạm Văn H2mỗi bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Trừ tiền tạm thu khắc phục hậu quả các bị cáo Phạm Phương U12 Khắc Dvà Phạm Văn H2đã nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001347 ngày 02/02/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Phạm Phương U14 phải bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo bổ sung kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ, đồng thời cung cấp biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001425 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Phương U kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo. Nhận thấy: Bị cáo U15 hành vi rủ các đồng phạm khác lén lút chiếm đoạt tài sản của công ty nơi bị cáo làm việc với trị giá tài sản chiếm đoạt lần 01 là 5.400.000 đồng, lần 02 là 37.330.200 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo U là nhân viên quản lý nhân sự của công ty, lợi dụng 02 ngày cuối tuần cán bộ quản lý và nhiều nhân viên của công ty đi du lịch, nên bị cáo U16 rủ đồng phạm D(là chồng của bị cáo) thuê xe ô tô vào công ty; rủ đồng phạm H2là nhân viên bảo trì máy của công ty để cùng lén lút lấy nhiều lần, chở nhiều tài sản của công ty là máy móc, P2 bằng, sắt ván ép vụn đưa lên xe ô tô tải chở ra ngoài mang đi bán lấy tiền chia nhau thu lợi. Hành vi này của bị cáo U17 hiện sự cố ý xem thường pháp luật của bị cáo; thể hiện sự ngang nhiên, lợi dụng sự ảnh hưởng nhất định của bị cáo trong công ty để thực hiện hành vi phạm tội; nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi để răn đe, giáo dục đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Với mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo U18 phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo U19 cấp tình tiết giảm nhẹ mới bồi thường hết phần dân sự nên sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo UDo đó, có cơ sở xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Phương U, dề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giảm 03 tháng tù cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa cho bị cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bị cáo vì bị có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: cụ thể bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, bồi thường 10.000.000 đồng trước phiên tòa sơ thẩm và bồi thường 20.000.000 đồng ngay sau phiên tòa sơ thẩm, đã kịp thời khai báo và cung cấp thông tin cần thiết để Cơ quan điều tra tiến hành thu hồi các tài sản bị chiếm đoạt của Công ty; tài sản mà bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu đã qua sử dụng, hư hỏng, rỉ sét và không còn sử dụng nên không gây ảnh hưởng không lớn đến quá trình sản xuất, kinh doanh bình thường của Công ty; trước khi phạm tội trộm cắp lần này, bị cáo hoàn toàn chưa có tiền án, tiền sự và chưa phạm tội nào khác mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng nên có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải;

Bị cáo chỉ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "lợi dụng chức vụ" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng là không có cơ sở, không phù hợp với khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình sự, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP và khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng. Bởi lẽ, công việc của bị cáo căn cứ theo Hợp đồng lao động số 1909/HĐLD ngày 01/7/2022, là người lao động bình thường của Công ty, không phải là người nắm giữ bất kỳ chức danh, chức vụ quản lý nào trong Công ty, cũng như không được Công ty giao bất kỳ nhiệm vụ, công vụ nào tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo đảm bảo đầy đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, được hướng dẫn cụ thể tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) vì mức hình phạt là 01 năm 09 tháng tù, là người có nhân thân tốt, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục theo quy định của Luật Cư trú và không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo.

Về hoàn cảnh gia đình bị cáo đang có con nhỏ (là bé gái, mới 04 tuổi), mẹ của bị cáo là bà Mai Kim T6 bị bệnh ung thư, cha của bị cáo là ông Phạm Văn P1 có nghề nghiệp ổn định, bị cáo phải nuôi 02 người em nhỏ, bị cáo là lao động chính để chăm lo cho gia đình. Nên nếu bị xử phạt tù giam sẽ gây thêm khó khăn. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho hưởng án treo sẽ tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm việc chăm lo cho gia đình, thực hiện trách nhiệm bổn phận của người làm con, làm chị.

Bị cáo không tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để các bị cáo có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Do biết được không có người quản lý tài sản nên bị cáo Phạm Phương U đã nảy sinh ý định và cùng các bị cáo khác chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH A có địa chỉ tại tại khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Ngày 12/8/2023, bị cáo Phạm Phương U và bị cáo Lê Khắc D16 hành vi lén lút chiếm đoạt 2.250kg ván ép có giá trị 5.400.000 đồng.

Ngày 13/8/2023, cáo Phạm Phương U, bị cáo Lê Khắc D17 và bị cáo Phạm Văn H7 lút chiếm đoạt của Công ty TNHH A 4.350kg ván ép có giá trị 10.0440.000 đồng, 20 cái Pallet sắt có giá trị 4.015.200 đồng, 01 (một) máy dập ốc M6 có giá trị 10.050.000, 01 (một) máy dập ốc M8 có giá 9.900.000 đồng, 03 vỏ mô tơ CNC có giá trị 2.925.000 đồng, tổng cộng 37.330.200.00 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của công ty vào các ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2023 là 42.730.200 đồng.

Xét thấy, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Phương U về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Phương U, với lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (như tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, bị cáo chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), bị cáo chỉ có 01 tình tiết tăng nặng và đủ điều được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo U20 vai trò là người quản lý công nhân, quản lý giấy tờ ra vào cổng của xe, cho phép xe ra vào cổng (trong đó có 02 phương tiện dùng để vận chuyển tài sản các bị cáo chiếm đoạt), kiểm tra công nhân tại xưởng sản xuất nên Ubiết được tình hình tài sản công ty và yêu cầu ông P1là công nhân công ty sử dụng xe nâng hỗ trợ bị cáo vận chuyển tài sản chiếm đoạt. Như vậy, bị cáo đã lợi dụng vị trí, nhiệm vụ tại công ty làm điều kiện cho các bị cáo chiếm đoạt tài sản nên đủ căn cứ xác định tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Đồng thời, bị cáo phạm tội 02 lần trong các ngày 12/8/2023 chiếm đoạt tài sản với giá trị 5.400.000 đồng và ngày 13/8/2023 chiếm đoạt tài sản với giá trị 37.330.200.00 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.730.200 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như Toà án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ có một tình tiết tăng nặng là không có căn cứ. Mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò chủ mưu, là người đưa ra cách thức cho các bị cáo thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm nên bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có căn cứ. Việc cho bị cáo cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo sẽ không phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và không đảm bảo tính răn đe, giáo dục trong tình hình các tội phạm xâm phạm về sở hữu ngày càng gia tăng như hiện nay. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 và 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh của bị

cáo thấy rằng bị cáo đang nuôi con nhỏ và đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại (20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001425 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) đây là tình tiết bổ sung mới nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt so với hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức hình phạt 03 tháng tù là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy, ngày 08/4/2024 bị cáo U16 nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001425 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để khắc phục bồi thường cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Phương U. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Tuyên bố bị cáo Phạm Phương U phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Phương U 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Phạm Phương U21 Biên lai thu số 0001425 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để đảm bảo thi hành án.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên (02);
- Viện kiểm sát nhân thành phố Tân Uyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NHĐ, 20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức